

ND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2210** /SGDDT-VP

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 12 năm 2021

V/v hướng dẫn sơ kết học kỳ I,
năm học 2021-2022

TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHẠM KIỆT gửi:

ĐẾN Số: **238**
Ngày: **6/12/2021**
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

- Phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm GDNN-GDTX huyện, thị xã;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Thành phố Giáo dục Quốc tế Quảng Ngãi (IEC).

Căn cứ Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo; Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 4623/UBND-KGVX ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức dạy học an toàn, thích ứng với đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch công tác năm học 2021-2022. Để chuẩn bị sơ kết học kỳ I năm học 2021-2022 và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ học kỳ II năm học 2021-2022, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đơn vị trong ngành thực hiện báo cáo, như sau:

1. Các đơn vị, cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá, sơ kết học kỳ I năm học 2021-2022 theo Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh; kết quả việc tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ GDĐT (đề cương kèm theo Công văn này).

2. Yêu cầu báo cáo

a) Báo cáo ngắn gọn, đủ thông tin, đánh giá kết quả nổi bật đạt được và hạn chế; phân tích rõ nguyên nhân đạt được, chưa đạt được, biện pháp thực hiện; có số liệu phân tích và so sánh với cùng kỳ năm học trước (việc tham mưu cấp ủy, chính quyền cụ thể hóa Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021; Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 18/8/2021; Công văn số 4623/UBND-KGVX ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Ngành giáo dục và đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ năm học).

b) Đánh giá công tác tham mưu của đơn vị, thủ trưởng đơn vị đối với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

c) Rà soát, kiểm tra chính xác thông tin có liên quan (*chất lượng học lực, hạnh kiểm, đời ngũ, số trường, số lớp, học sinh, phòng học, kinh phí, ...*) tính đến cuối học kỳ I và cập nhật lên hệ thống đúng thời gian quy định.

d) Việc xây dựng phương án, kế hoạch tổ chức dạy học trực tiếp/ trực tuyến tại đơn vị; phương án an toàn trong trạng thái bình thường mới theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, ... tại các nhà trường; theo dõi, kiểm soát tình hình phòng, chống dịch tại cơ sở giáo dục; huy động các nguồn lực cho học sinh nghèo; hưởng ứng Chương trình "Sống và Máy tính cho em" đối với học sinh nghèo, ...

e) Những khó khăn, bất cập, hạn chế; kiến nghị.

f) Về định hướng và biện pháp trong học kỳ II năm học 2021-2022 phải bám sát *Chỉ thị số 800/CT-BGDDT* ngày 24/8/2021, *Quyết định số 1227/QĐ-UBND* ngày 18/8/2021, *Quyết định số 1144/QĐ-SGDĐT* ngày 17/9/2021 về việc ban hành *Kế hoạch công tác năm học 2021-2022*; Nghị quyết của HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố; chỉ tiêu, mục tiêu chung của Ngành và địa phương được xây dựng từ đầu năm học; nêu các biện pháp cụ thể để đạt những mục tiêu đề ra.

g) Rà soát, phối hợp tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí nguồn lực, chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đời ngũ giáo viên phục vụ thay sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 năm học 2022-2023.

3. Thời gian báo cáo kết quả sơ kết học kỳ I năm học 2021-2022 gửi về Sở GDĐT chậm nhất trước ngày **14/01/2021**; đồng thời, gửi file mềm báo cáo qua Văn phòng Sở theo địa chỉ email: vanphongso@quangngai.edu.vn.

4. Việc cập nhật, gửi trên cơ sở dữ liệu ngành hoàn thành trước 17 giờ 00 phút, ngày **20/01/2021** (*quá thời hạn quy định, hệ thống dữ liệu sẽ tự đóng*).

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thái

Biểu 1

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
KHOI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
(Kèm theo Công văn số 2210 /SGDDT-VP ngày 06 /12/2021
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Khái quát về đặc điểm, tình hình và bối cảnh triển khai nhiệm vụ năm học 2021-2022

1. Đội ngũ CBQL, GV, NV
2. Mạng lưới trường, lớp, học sinh các bậc học *(so sánh với đầu năm học trước)*.
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

1.1. Công tác xây dựng kế hoạch, tuyên truyền, tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 *(Chỉ thị số 800/CT-BGDDT ngày 24/8/2021; Công văn số 4623/UBND-KGVX ngày 09/9/2021;...)*.

1.2. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các khoản thu đầu năm học tại cơ sở giáo dục, kết quả xử lý, biện pháp khắc phục.

1.3. Tổ chức thực hiện các Kết luận sau thanh tra, kiểm tra (nếu có) của Sở Giáo dục và Đào tạo, của các cấp có thẩm quyền, biện pháp khắc phục.

1.4. Kết quả thực hiện việc đổi mới sáng tạo trong dạy và học; kết quả tham mưu rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học theo chỉ đạo của các cấp.

1.5. Công tác tham mưu về quản lý dạy thêm, học thêm; công tác khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; công tác kiểm tra nội bộ, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

1.6. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xã hội hóa giáo dục; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả hoạt động giáo dục; triển khai thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

1.7. Việc triển khai thực hiện tiếp nhận, bảo quản, khai thác và sử dụng thiết bị trong dạy học được cấp có thẩm quyền phát từ các đề án, dự án *(nêu rõ tên đề án, dự án được tài trợ, viện trợ, các thiết bị được cấp)*.

1.8. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học, phòng chống tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật của học sinh *(thực hiện Chỉ thị 05; các hoạt động ngoài giờ lên lớp; số lượng học sinh, giáo viên vi phạm Luật giao thông, tệ nạn xã hội, học sinh bỏ học, học sinh đuối nước, học sinh bị tai nạn giao thông, học sinh bị kỷ luật...)*.

1.9. Việc ứng phó với tình hình phòng, chống dịch Covid-19 (việc xây dựng phương án, kế hoạch tổ chức dạy học trực tiếp/ trực tuyến tại đơn vị; phương án an toàn trong trạng thái bình thường mới theo chỉ đạo của thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, ... tại các nhà trường; theo dõi, kiểm soát tình hình phòng, chống dịch tại cơ sở giáo dục; huy động các nguồn lực cho học sinh nghèo; hưởng ứng Chương trình “Sóng và Máy tính cho em” đối với học sinh nghèo, ...); công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục thiên tai, bão lũ tại đơn vị.

1.10. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, đặc biệt trong công tác giảng dạy và dạy học trực tuyến; triển khai ứng dụng, quản lý việc nhập cơ sở dữ liệu ngành của đơn vị tại các kỳ báo cáo, thống kê.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Kết quả hoạt động chuyên môn

2.2. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục (so với cùng kỳ năm học trước).

2.3. Kết quả tham gia các cuộc thi, hội thi,...

3. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân, bài học kinh nghiệm.

4. Biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém.

III. Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển giáo dục

Về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2021-2022 và kết thúc năm 2021 (so với chỉ tiêu đã đăng ký UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo); các trường THPT xây dựng lộ trình công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 (theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh đánh giá ngoài để công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi).

IV. Nhiệm vụ chủ yếu và những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai kế hoạch học kỳ II, năm học 2021-2022.

V. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
KHOI PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Công văn số 2210/SGDDT-VP ngày 06/12/2021
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Khái quát về đặc điểm, tình hình và bối cảnh triển khai nhiệm vụ năm học 2021-2022

1. Đội ngũ CBQL, GV, NV
2. Mạng lưới trường, lớp, học sinh các bậc học (so sánh với đầu năm học trước).
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

1.1. Công tác xây dựng kế hoạch, tuyên truyền, tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 (Chỉ thị số 800/CT-BGDDT ngày 24/8/2021; Công văn số 4623/UBND-KGVX ngày 09/9/2021; ...).

1.2. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các khoản thu đầu năm học tại cơ sở giáo dục, kết quả xử lý, biện pháp khắc phục.

1.3. Tổ chức thực hiện các Kết luận sau thanh tra, kiểm tra (nếu có) của Sở Giáo dục và Đào tạo, của các cấp có thẩm quyền, biện pháp khắc phục.

1.4. Kết quả thực hiện việc đổi mới sáng tạo trong dạy và học; kết quả tham mưu rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học theo chỉ đạo của các cấp.

1.5. Công tác tham mưu về quản lý dạy thêm, học thêm; công tác khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; công tác kiểm tra nội bộ, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

1.6. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xã hội hóa giáo dục; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả hoạt động giáo dục; triển khai thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

1.7. Việc triển khai thực hiện tiếp nhận, bảo quản, khai thác và sử dụng thiết bị trong dạy học được cấp có thẩm quyền phát từ các đề án, dự án (nêu rõ tên đề án, dự án được tài trợ, viện trợ, các thiết bị được cấp).

1.8. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học, phòng chống tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật của học sinh (thực hiện Chỉ thị 05; các hoạt động ngoài giờ lên lớp; số lượng học sinh, giáo viên vi phạm Luật

giao thông, tệ nạn xã hội, học sinh bỏ học, học sinh đuối nước, học sinh bị tai nạn giao thông, học sinh bị kỳ luật...).

1.9. Việc ứng phó với tình hình phòng, chống dịch Covid-19 (việc xây dựng phương án, kế hoạch tổ chức dạy học trực tiếp/ trực tuyến tại đơn vị; phương án an toàn trong trạng thái bình thường mới theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, ... tại các nhà trường; theo dõi, kiểm soát tình hình phòng, chống dịch tại cơ sở giáo dục; huy động các nguồn lực cho học sinh nghèo; hưởng ứng Chương trình “Sóng và Máy tính cho em” đối với học sinh nghèo, ...); công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục thiên tai, bão lũ tại đơn vị.

1.10. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, đặc biệt trong công tác giảng dạy và dạy học trực tuyến; triển khai ứng dụng, quản lý việc nhập cơ sở dữ liệu ngành của đơn vị tại các kỳ báo cáo, thống kê.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Kết quả hoạt động chuyên môn

2.2. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục (so với cùng kỳ năm học trước).

2.3. Kết quả tham gia các cuộc thi, hội thi,...

III. Kết quả thực hiện công tác chuyên môn

1. Giáo dục mầm non (việc thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”; việc triển khai Đề án tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh dân tộc thiểu số; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi;...)

2. Giáo dục phổ thông (việc triển khai Chương trình GDPT đối với lớp 2, lớp 6; chuẩn bị các điều kiện để triển khai đối với lớp 3, lớp 7 từ năm học 2022-2023; ...).

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kiện toàn bộ máy lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học và tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, nâng chuẩn,...

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh (nêu rõ số cuộc thanh tra, kiểm tra, kết quả xử lý).

5. Chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội; kết quả, chỉ tiêu phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú.

6. Rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, UBND huyện, thị xã, thành phố.

IV. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân, bài học kinh nghiệm.

V. Biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém.

VI. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giáo dục

1. Về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2021-2022 và kết thúc năm 2021 *(so với chỉ tiêu đã đăng ký UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo)*
2. Công tác tham mưu duy trì giữ chuẩn. Nguyên nhân trường rớt chuẩn, trách nhiệm chính của thủ trưởng đơn vị trong công tác tham mưu giữ chuẩn.
3. Kết quả đạt được *(số lượng, chất lượng, ...)*. Trong đó thống kê cụ thể số lượng trường rớt chuẩn sau 05 năm công nhận/cấp học, nêu rõ lý do.
4. Kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
5. Tồn tại, vướng mắc

VII. Nhiệm vụ chủ yếu và những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai kế hoạch học kỳ II, năm học 2021-2022.

VIII. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)